

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 01/2021/DS-ST

Ngày 22-01-2021

V/v Tranh chấp QSD đất;
Yêu cầu yêu cầu huỷ giấy
CNQSD đất và bồi thường
thiệt hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Trường.

Các Hội thẩm nhận dân:

1. Bà Trần Thị Ngoan.
2. Ông Trần Quyết Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 14/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Châu Thị T. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Châu Thị H. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND huyện X, tỉnh Hà Giang. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Anh T - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện X. *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X. Có mặt.

3.2. Ông Nông Văn T. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện X, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2019 và quá trình tố tụng tại Toà án nguyên đơn bà Châu Thị T trình bày: Gia đình bà có một diện tích đất rừng 16,2ha, thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 3 thuộc thôn T. Giấy CNQSD đất số T 102088 do UBND huyện X cấp ngày 24/10/2001 mang tên hộ ông Châu Văn Đ (là chồng của bà đã chết năm 2009). Vị trí thửa đất phía Bắc giáp hộ ông La Văn B, ông Nông Văn D, ông Chương Văn N; phía Tây Nam giáp hộ bà Châu Thị H; phía Đông giáp hộ ông Lý Văn P. Đến năm 2009 UBND huyện X cấp lại Giấy CNQSD đất cho gia đình bà nhưng không đúng với diện tích đất rừng mà hộ gia đình bà đã được cấp năm 2001, do đó bà không nhận Giấy CNQSD đất cấp lại cho gia đình bà năm 2009. Tháng 6/2018 gia đình bà trồng keo trên diện tích đất được giao thì anh Nông Văn T đã đến nhổ cây không cho trồng với lý do diện tích đất trên là của gia đình anh T. Số cây bị anh T nhổ là 116 cây. Ngày 14/6/2018 UBND xã M đã tổ chức hoà giải và đã hoà giải thành, tuy nhiên sau đó hộ gia đình bà Châu Thị H tiếp tục vi phạm thoả thuận, do đó bà khởi kiện tại TAND tỉnh Hà Giang: Yêu cầu bà Châu Thị H trả lại diện tích đất bị lấn chiếm khoảng 70.000m² tại thửa số 21, tờ bản đồ số 3 diện tích 160.200m² do UBND huyện X cấp năm 2001 cho hộ ông Châu Văn Đ là chồng của bà; Yêu cầu huỷ Giấy CNQSD đất mang tên hộ ông Nông Văn H và bà Châu Thị H tại thửa số 95, tờ bản đồ số 1 diện tích 239.009m² cấp ngày 16/3/2009; Yêu cầu anh Nông Văn T phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 16.200.000đ tương ứng với 162 cây x 100.000đ/cây. Ngày 13/11/2020 bà Châu Thị T có đơn xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với anh Nông Văn T và giữ nguyên yêu cầu huỷ Giấy CNQSD đất do UBND huyện X cấp ngày 16/3/2009 cho hộ ông Nông Văn H.

- Bị đơn bà Châu Thị H trình bày: Tranh chấp đất giữa gia đình bà và gia đình bà Châu Thị T xảy ra từ năm 2018, nguyên nhân xảy ra tranh chấp là khi bà phát rừng để trồng cây thì bà T cho rằng bà trồng lấn sang đất của bà T, sự việc đã được UBND xã M tổ chức hoà giải thành, tuy nhiên sau đó con trai bà là anh Nông Văn T đi phát rừng gặp tổ ong trên diện tích rừng có tranh chấp và có đốt ong đem về thì bà T cho rằng ong trên rừng của bà và không cho lấy ong và có xảy ra tranh cãi với anh T, sau đó bà T khởi kiện bà ra Toà án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn T trình bày: Diện tích đất tranh chấp mang tên bố của anh là ông Nông Văn H tại thửa 95 với diện tích được cấp là 239.009m². Khi còn sống bố anh có chỉ anh em trong gia đình biết về ranh giới đất, đến năm 2017 thì bố anh chết. Năm 2018 gia đình anh khai thác cây và chuyển đổi sang trồng cây mới thì bà T ngăn cản vì cho rằng gia đình anh lấn chiếm đất của bà. Ranh giới đất là do bố anh chỉ, giờ bố anh và ông Châu Văn Đ đều đã chết, bà T không biết rõ về ranh giới đất của mình nên mới xảy ra tranh chấp. Sau đó tổ hoà giải của xã M đã xác định được mốc giới đất tranh chấp và tổ chức hoà giải thành cho hai gia đình, tôi hoàn toàn nhất trí vì bà T là mẹ vợ của em trai tôi, là cô của vợ tôi nên tôi cũng không muốn căng thẳng và chấp nhận hoà giải. Tuy nhiên sau đó

bà T khởi kiện ra Toà án tỉnh Hà Giang yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền là 16.200.000đ với lý do là tôi chặt phá cây của bà T, tuy nhiên thực tế tôi chỉ được nhổ 02 cây do bức tức vì bị bà T chửi bới khi tôi đi đốt ong. Quan điểm của tôi là không nhất trí yêu cầu huỷ Giấy CNQSD đất của bà T.

- UBND huyện X trình bày: Do điều kiện đo đạc qua từng thời điểm khác nhau nên Giấy CNQSD đất cấp năm 2001 trước đây được đo đạc bằng bản đồ ảnh vệ tinh, do vậy diện tích thực tế trên bản đồ không đúng với diện tích thực tế hộ ông Châu Văn Đ sử dụng, đến năm 2009 được đo đạc lại bản đồ bằng phương pháp khoan vẽ kết hợp với ảnh vệ tinh do vậy độ chính xác của bản đồ với thực tế diện tích đất các hộ đang sử dụng chưa trùng khớp nhau. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang căn cứ trên các tài liệu chứng cứ đã thu thập được làm căn cứ giải quyết để UBND huyện X có căn cứ thu hồi giấy CNQSD đất và cấp lại đất cho các hộ theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/11/2020 Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự, kết quả hoà giải:

** Những nội dung các đương sự đã thống nhất:*

- Diện tích đất cấp năm 2009 so với diện tích đất cấp năm 2001 cho hộ bà Châu Thị T chênh lệch giảm 71.169m².

- Diện tích đất cấp năm 2009 so với diện tích đất cấp năm 2001 cho hộ bà Châu Thị H chênh lệch tăng 180. 509m².

- Bà Châu Thị T và bà Châu Thị H, anh Nông Văn T, ông Nguyễn Văn Đ thống nhất đề nghị huỷ Giấy CNQSD đất đã cấp cho 02 hộ để cấp lại theo hiện trạng sử dụng đất.

** Những nội dung không thống nhất:*

- Nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được với nhau về diện tích đất tranh chấp, xác định vị trí, ranh giới thửa đất đang tranh chấp.

- Nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được với nhau về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Châu Thị T giữ nguyên đề nghị rút yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với anh Nông Văn T, giữ nguyên yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 70.000m² và huỷ Giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ ông Nông Văn H do UBND huyện X cấp ngày 16/3/2009.

- Bị đơn bà Châu Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn T nhất trí đề nghị huỷ Giấy CNQSD đất cấp năm 2009 cho hộ ông Nông Văn H và hộ ông Châu Văn Đ để đề nghị cấp lại theo diện tích sử dụng.

- Người có QLNVLQ, UBND huyện X: Diện tích đất bị chênh lệch là do nguyên nhân quá trình đo đạc giữa các lần có sự sai lệch. Đề nghị Toà án

huỷ Giấy CNQSD đất đã cấp cho 02 hộ để xem xét cấp lại theo diện tích thực tế sử dụng.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc đòi lại QSD đất và yêu cầu huỷ giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ ông H, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có QLNVLQ UBND huyện X về việc huỷ 02 giấy CNQSD đất đã cấp cho 02 hộ năm 2009; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại. Về án phí, chi phí tố tụng: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị T về việc Tranh chấp QSD đất, yêu cầu huỷ Giấy CNQSD đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Hà Giang theo quy định tại Điều 37 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện về việc trả lại diện tích đất bị lấn chiếm, HĐXX xét thấy:

[4] Nguồn gốc đất, quá trình quản lý sử dụng: Theo bà Châu Thị T trình bày về nguồn gốc đất do bố mẹ chồng khai phá, sử dụng. Đến năm 2001 được UBND huyện X cấp giấy CNQSD đất theo Quyết định số 831/QĐ-UB ngày 24/10/2001. Tổng diện tích đất được cấp là 206.800m² gồm 03 thửa: Thửa số 89: 34.100m²; thửa số 113: 12.500m²; thửa số 21: 160.200m² tờ bản đồ số 3. Ngày 16/3/2009 hộ ông Châu Văn Đ và bà Châu Thị T được UBND huyện X cấp đổi giấy CNQSD đất thì thửa số 21 tờ bản đồ số 3 đổi thành thửa số 104, tờ bản đồ số 1 diện tích 89.031m² (chênh lệch giảm 71.169m²).

[5] Ngày 07/8/2020, TAND tỉnh Hà Giang tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đã xác định được diện tích đất tranh chấp giữa hai hộ ông Châu Văn Đ, bà Châu Thị T và hộ ông Nông Văn H, bà Châu Thị H tại phân ranh giới tiếp giáp giữa 02 thửa: Gồm thửa số 22 tờ bản đồ số 3 diện tích 160.200m² trong giấy CNQSD đất cấp cho hộ ông Châu Văn Đ và thửa số 21 tờ bản đồ số 3 diện tích 58.500m² cấp cho hộ ông Nông Văn H theo giấy CNQSD đất cấp cho 02 hộ năm 2001.

[6] Ngày 16/3/2009 hộ ông Châu Văn Đ và hộ ông Nông Văn H được UBND huyện X cấp đổi giấy CNQSD đất. Hộ ông Đ tại thửa số 21 theo giấy CNQSD đất cấp năm 2001 diện tích 160.200m², tờ bản đồ số 3 nay được cấp đổi mang thửa số 104, tờ bản đồ số 1 diện tích 89.031m² (giấy CNQSD đất số

AO 741349), giảm 71.169m². Hộ ông H tại thửa số 22 cấp năm 2001 diện tích là 58.500m² được cấp đổi giấy CNQSD đất mang thửa số 95, tờ bản đồ số 1 diện tích 239.009m², tăng 180.509m².

[7] Theo kết quả đo đạc của Văn phòng ĐKĐĐ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang, dựa trên cơ sở ranh giới, mốc giới do nguyên đơn và bị đơn xác định tại thực địa thì diện tích đất của hộ ông Châu Văn Đ là 74.437m²; của hộ ông Nông Văn H là 114.980,7m². Như vậy, diện tích đất cấp cho 02 hộ không trùng khớp với diện tích đất đã được cấp năm 2001, cấp đổi năm 2009.

[8] Qua trình cấp giấy CNQSD đất cho 02 hộ ông Châu Văn Đ và ông Nông Văn H, cơ quan chuyên môn xác định về hiện trạng, ranh giới sử dụng đất của 02 hộ tại thực địa không đúng với hiện trạng sử dụng đất đã cấp lần đầu cho 02 hộ năm 2001 nên đã cấp một phần đất nằm trong giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ ông Châu Văn Đ vào giấy CNQSD đất của hộ ông Nông Văn H nên dẫn đến diện tích đất đã cấp cho hộ ông Đ bị giảm so với giấy CNQSD đất cấp năm 2001.

[9] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn bà Châu Thị H thừa nhận số diện tích đất của hộ gia đình bà được cấp năm 2009 tăng so với diện tích đất được cấp năm 2001, có một phần do cơ quan chuyên môn cấp trùng lên diện tích đất của gia đình ông Đ tại vị trí giáp ranh giữa thửa số 21 và thửa số 22.

[10] Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị T về việc đòi lại quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[11] Xét yêu cầu khởi kiện về việc huỷ giấy CNQSD đất do UBND huyện X cấp ngày 16/3/2009 cho hộ ông Nông Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[12] Về thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất: Khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993 quy định: “Người sử dụng đất ổn định, được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy CNQSD đất”. Khoản 1 Điều 52 Luật đất đai năm 2003 quy định: “UBND huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở”.

[13] Xét thấy, UBND huyện X cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Châu Văn Đ và hộ ông Nông Văn H là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

[14] Về trình tự, thủ tục cấp giấy CNQSD đất: Theo giấy CNQSD đất do UBND huyện X cấp ngày 24/10/2001 cho hộ ông Châu Văn Đ trong đó thửa số 21, tờ bản đồ số 3 ghi diện tích là 160.200m² và giấy CNQSD đất cấp cho hộ ông Nông Văn H cùng ngày đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 3 ghi diện tích là 58.500m². Quá trình cấp lại giấy CNQSD đất cơ quan chuyên môn chưa xác định cụ thể ranh giới, mốc giới sử dụng đất của 02 hộ và các hộ giáp ranh liền kề nên khi cấp đổi giấy CNQSD đất cho 02 hộ không đúng diện

tích đất theo hiện trạng sử dụng đất, không trùng khớp với diện tích đất đã cấp lần đầu cho 02 hộ. Diện tích đất cấp cho hộ ông H đã lấn vào diện tích đất cấp cho hộ ông Đ tại vị trí tiếp giáp giữa 02 hộ thuộc thửa số 21 và thửa số 22..

[15] Người đại diện theo uỷ quyền của người có QLVNQL UBND huyện X cho rằng: Giấy CNQSD đất cấp cho 02 hộ năm 2001 được đo đạc bằng phương pháp khoan vẽ kết hợp ảnh vệ tinh, năm 2004 được đo đạc lại qua định vị vệ tinh và hệ toạ độ VN2000, đến năm 2009 mới cấp giấy CNQSD đất cho các hộ. Quá trình đo đạc không được kiểm tra kỹ tại thực địa nên ranh giới không đúng với hiện trạng sử dụng đất.

[16] Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị T đối với yêu cầu huỷ giấy CNQSD đất do UBND huyện X cấp ngày 16/3/2009 cho hộ ông Nông Văn H là có căn cứ.

[17] Đối với giấy CNQSD đất do UBND huyện X cấp ngày 16/3/2009 cho hộ ông Châu Văn Đ, vợ là Châu Thị T. Năm 2001 hộ ông Châu Văn Đ được cấp giấy CNQSD đất trong đó có thửa số 21 tờ bản đồ số 3 diện tích 160.200m². Đến ngày 16/3/2009 hộ ông Đ được UBND huyện X cấp đổi giấy CNQSD đất, thửa số 21 tờ bản đồ số 3 nay là thửa số 104, tờ bản đồ số 1 diện tích 89.031m², giảm 71.169m². Xét thấy trước khi thực hiện việc cấp đổi giấy CNQSD đất cơ quan chuyên môn chưa thực hiện đúng trình tự theo quy định của pháp luật về đất đai, xác định ranh giới, mốc giới tại thực địa không rõ ràng dẫn đến việc cấp đổi giấy CNQSD đất cho hộ ông Đ không đúng về diện tích theo hiện trạng sử dụng đất giữa hộ ông Châu Văn Đ và hộ ông Nông Văn H.

[18] Xét thấy, việc cấp đổi giấy CNQSD đất của UBND huyện X không đúng với diện tích cấp lần đầu, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bà Châu Thị T. Vì vậy, cần huỷ giấy CNQSD đất do UBND huyện X cấp ngày 16/3/2009 cho hộ ông Châu Văn Đ, vợ là bà Châu Thị T thì mới giải quyết triệt để vụ án. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện X đề nghị xem xét huỷ giấy CNQSD đất do UBND huyện X đã cấp cho hộ ông Nông Văn H và hộ ông Châu Văn Đ ngày 16/3/2009. Xác định đây là yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần chấp nhận.

[19] Kiến nghị UBND huyện X thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp lại giấy CNQSD đất cho 02 hộ theo đúng hiện trạng đất đang sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

[20] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại: Theo nội dung đơn khởi kiện bà Châu Thị T khởi kiện yêu cầu anh Nông Văn T bồi thường thiệt hại với số tiền là: 16.200.000đ. Ngày 13/11/2020 nguyên đơn bà Châu Thị T có đơn xin rút yêu cầu này. Vì vậy, HĐXX căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu này.

[21] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Châu Thị T nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), đã chi phí số tiền 4.010.000đ (Bốn triệu không trăm mười nghìn đồng). Số tiền còn lại là 2.990.000đ (Hai triệu chín trăm chín mươi

ngàn đồng), đã hoàn trả lại cho bà T, bà T đã nhận đủ số tiền còn thừa. Đối với chi phí đo đạc bà Châu Thị T nộp tại Văn phòng ĐKĐĐ, Sở Tài nguyên và Môi trường theo phiếu thu ngày 01/7/2020 là 10.000.000đ và phiếu thu ngày 26/8/2020 là 3.349.670đ. Tổng cộng là 13.349.670đ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị T được chấp nhận nên bà Châu Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.010.000đ và chi phí đo đạc là 13.349.670đ. Tổng cộng là 17.359.670đ để hoàn trả cho bà Châu Thị T.

[22] Về án phí: Bà Châu Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Châu Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Châu Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 147; Điều 157; Điều 158; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại giữa nguyên đơn bà Châu Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn T.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị T về việc đòi lại QSD đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện X cấp ngày 16/3/2009 cho hộ ông Nông Văn H. Xử: Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 741320 do UBND huyện X cấp cho hộ ông Nông Văn H và bà Châu Thị H ngày 16/3/2009.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện X:

+ Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 741349 do UBND huyện X cấp cho hộ ông Châu Văn Đ và bà Châu Thị T ngày 16/3/2009.

+ Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 741320 do UBND huyện X cấp cho hộ ông Nông Văn H và bà Châu Thị H ngày 16/3/2009.

- Về chi phí tố tụng: Bà Châu Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc là 17.359.670đ (*Mười bảy triệu ba trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*) để hoàn trả cho bà Châu Thị T.

- Về án phí: Bà Châu Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Châu Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 405.000đ (*Bốn trăm linh năm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000036 ngày 04/10/2009 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

Bà Châu Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP (1); Tòa DS (5);
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Đức Trường